TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:09/2018/HSST
Ngày 05 tháng 4 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh;
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Miền
Ông Nguyễn Văn Diệp

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*:**
Ông Bùi Ngọc Trung, Kiểm sát viên VKSND huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Hôm nay, ngày 05/4/2018, tại Trụ sở,Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2018/HSST ngày 06 tháng 02 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Nam Thư (Tên gọi khác: Thư mát), sinh năm 1989
Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;
Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 09/12;
Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị L
Bị cáo chưa có vợ con;

-Tiền án: Có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản cụ thể: Ngày 14/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 18/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 12/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ R, tỉnh Kon Tum tuyên phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích.

-Tiền sự: Không;

-Nhân thân: Ngày 25/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2017 cho đến nay, (Có mặt)

- *Người bị hại:* Cháu Lê Trần Hoài L, sinh ngày 04/9/2006. (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
- *Người đại diện hợp pháp của người bị hại và là nguyên đơn dân sự:*
Chị Trần Thị H, sinh năm 1987 (Là mẹ của cháu L) (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
+ Anh Trần Như T, sinh năm 1989. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971. (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
-Người làm chứng:
+Anh Trịnh Đình L -Chủ tiệm điện thoại Phương L. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
+Cháu Lê Thị Ánh N, sinh năm 2006 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai
-Người đại diện hợp pháp cho cháu Lê Thị Ánh N:
Anh Lê Đức T, sinh năm 1979. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 20/10/2017, Nguyễn Nam T đến tiệm tạp hóa Sơn H thuộc tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện Đ gặp bạn là Trần Như T, sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (T đang làm thuê tại đây) mượn xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nouvo LX, màu xanh, BKS: 37N7-6029 để đi công việc. Sau khi mượn được xe, Thư điều khiển về hướng xã Ia D, huyện Đ. Khi đến ngã ba Sung L thuộc Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vì không có tiền tiêu sài nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Tphát hiện nhà anh Lê Đức T thuộc Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ không có người ở nhà, nên T dừng xe bên ngoài và đi vào trong nhà. Khi vào đến phòng khách thì T phát hiện có hai cháu nhỏ đang chơi điện thoại là cháu Lê Thi Ngọc Á, sinh ngày 13/01/2007 (con anh T) và cháu Lê Trần Hoài L, sinh ngày 04/9/2006 (hàng xóm). Thấy vậy, T quay ra đi dạo một vòng xem xét, đồng thời này sinh ý định lừa lấy điện thoại của cháu Lê Trần Hoài L. Nên T quay lại nhà anh T. Khi đi vào đến sân nhà thì thấy cháu L cầm điện thoại vừa đi ra, T liền hỏi "cháu đang chơi gì đấy?", cháu L trả lời "cháu đang chơi điện tử", T nói "cho chú mượn chơi một ván". Cháu L tưởng Tlà bạn của bố mẹ cháu Á cùng lúc này mẹ cháu L gọi về trông nhà nên cháu đã đưa điện thoại cho T mượn, đồng thời cháu L có nói vào phía trong với cháu Á là "tý nữa bạn nhớ lấy điện thoại từ chú này cho tớ với nha". Nói xong cháu L chạy về nhà. Khi nhận được điện thoại từ cháu L thì T cầm điện thoại vừa bấm vừa đi ra xe mô tô (xe này T để sẵn trước lúc vào nhà). Lúc này, cháu Á từ trong phòng khách đi ra và hỏi T "Chú là ai?", T trả lời "Chú là bạn bố cháu", cháu Á nói tiếp "Chú trả điện thoại lại cho bạn cháu". Thấy vậy, T nói tiếp

“điện thoại hết tiền rồi để chú đi ra ngoài kia mua cái Card, rồi quay lại”. Sau đó, Thư đi ra điều khiển xe mô tô đem chiếc điện thoại đi tiêu thụ tại tiệm mua bán điện thoại Phương L thuộc Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai lấy 700.000đ tiêu xài.

Ngày 21/10/2017, cháu Lê Trần Hoài L và mẹ là chị Trần Thị H đã trình báo với cơ quan Công an. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Nam T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào kết quả định giá tài sản số: 23 ngày 26/10/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, model Y51, màu đen. Mua vào tháng 03/2017, đã qua sử dụng. Giá trị theo khảo sát giá là 3.000.000đ, tỷ lệ phần trăm còn lại là 88,33%, giá trị định giá là 2.649.900đ (hai triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm đồng).

Theo Bản Cáo trạng số: 05/CTr- VKS-ĐC ngày 01/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Nam T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ cho cho bị cáo là đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; sau khi nguyên đơn dân sự nhận bồi thường đã xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Nam T từ 02 năm đến 03 năm tù;

*Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 2.000.000đ cho chị Trần Thị Hg, chị H không yêu cầu bồi thường gì thêm. Nên không đề nghị xem xét.

*Về xử lý vật chứng:

+ Đối với chiếc xe mô tô Yamaha, loại Nouvo LX BKS: 37N7-6029. Đây là chiếc xe do Nguyễn Nam T mượn của anh Trần Như T đi công việc, sau đó thực hiện hành vi phạm tội. Qua điều tra xác minh chiếc xe đứng tên Nguyễn Xuân H, trú tại Xóm 15, xã Nghi P, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh không có người tên Nguyễn Xuân H tại địa chỉ trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu, nhưng chưa có kết quả. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tách chiếc xe này ra để xử lý riêng, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau. Nên không đề nghị xem xét.

+ Đối với 01 chiếc hộp điện thoại nhãn hiệu Vivo, model Y51, màu đen (bên trong không có điện thoai). Đây là chiếc hộp chị H nộp lại để xác định nguồn gốc chiếc điện thoại bị T chiếm đoạt. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đơ đã trao trả lại cho chị H. Nên không đề nghị xem xét.

+ Đối với số tiền 700.000đ do bị cáo bán chiếc điện thoại đã chiếm đoạt mà có. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, tuyên truy thu đối với bị cáo Nguyễn Nam T số tiền này để sung vào ngân sách nhà Nước.

Đối với các đối tượng có liên quan:

+Đối với anh Trần Như T là người sử dụng xe mô tô Yamaha, loại Nouvo LX BKS: 37N7-6029. Vào ngày 20/11/2017, anh T cho T mượn xe để đi công việc, sau đó T sử dụng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, anh T hoàn toàn không biết. Do đó, không có căn cứ xử lý anh T với vai trò đồng phạm, nên không đề nghị xem xét.

+Đối với anh Trịnh Đình L là người đã mua điện thoại do T bán. Tuy nhiên, anh L không biết chiếc điện thoại do Tphạm tội mà có. Do đó không xử lý anh L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". nên không đề nghị xem xét.

*Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước theo pháp luật quy định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà là mẹ của bị cáo, sau vụ việc xảy ra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại để bị cáo được xem xét giảm nhẹ, bà không yêu cầu bị cáo trả lại 2.000.000đ bà đã bồi thường. Nay bị cáo đã biết sai, đề Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Tại phiên toà bị cáo không có ý kiến, tranh luận gì với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ; Ý kiến luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà. Đồng thời trình bày xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20/10/2017, Nguyễn Nam T có mượn xe mô tô của Trần Như T để đi công việc. Khi đến ngã ba Sung L thuộc Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vì không có tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định đi chiếm đoạt tài sản. Lúc này T phát hiện nhà anh Lê Đức T thuộc Tổ dân phố 7, thị trấn C, huyện Đ không có người, nên T để xe bên ngoài, rồi đi bộ vào nhà thì phát hiện cháu Lê Thi Ngọc Á, sinh ngày 13/01/2007 (con anh T) và cháu Lê Trần Hoài L, sinh ngày 04/9/2006 (hàng xóm) đang chơi điện thoại. Thấy vậy, T quay ra xem xét, đồng thời này sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt chiếc điện thoại của cháu Lê Trần Hoài L, sau đó T quay lại nhà anh T, khi đi vào đến sân nhà thì thấy cháu L cầm điện thoại đi ra T liền hỏi "cháu đang chơi gì đấy?", cháu L trả lời "cháu đang chơi điện tử", T nói dối "cho chú mượn chơi một ván". Lúc này cháu L tưởng T là bạn của bố mẹ cháu Á, cùng lúc này mẹ cháu L gọi về trông nhà nên cháu đã đưa điện thoại cho T mượn, đồng thời nói với cháu Á là "tý nữa bạn nhớ lấy điện thoại từ chú này cho tớ với nha", nói xong cháu L chạy về nhà. Khi nhận được điện thoại từ cháu L T giả vờ vừa bấm vừa đi ra nới để xe mô tô. Lúc này, cháu Á từ trong phòng khách đi ra và hỏi T "Chú là ai?", T đã nói dối "Chú là bạn bố cháu", cháu Á nói tiếp "Chú trả điện thoại lại cho bạn cháu"T nói dối tiếp "điện thoại hết tiền rồi để chú đi ra ngoài kia mua cái Card, rồi quay lại", sau đó T đem bán chiếc điện thoại này cho anh Trịnh Đình L chủ tiệm điện thoại Phương Lđịa chỉ Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ lấy 700.000đ tiền tiêu xài. Tại phiên Toà bị cáo khai nhận tội phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Tại Kết luận định giá tài sản số: 23 ngày 26/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, model Y51, màu đen, mua tháng 03/2017, đã qua sử dụng có giá trị định giá là 2.649.900đ (hai triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm đồng). Do đó, căn cứ vào hành vi, hậu quả do bị cáo đã thực hiện. Hội đồng xét xử nhận định Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Nam T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bản thân bị cáo biết là vi phạm pháp luật, song vì muốn có nhanh tiền tiêu xài mà không phải mất công sức lao động, nên đã bất chấp pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 25/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 14/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 18/11/2014, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 12/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ R, tỉnh Kon Tum tuyên phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã chấp hành xong và chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội, nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nữa để bị cáo thời gian suy nghĩ sửa chữa lỗi lầm, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

+*Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+*Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, nguyên đơn dân sự sau khi nhận bồi thường đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, người đại diện hợp pháp của người bị hại đồng thời là nguyên đơn dân sự chị Trần Thị H đã nhận tiền bồi thường 2.000.000đ, không có yêu cầu bồi thường thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về vật xử lý chứng vụ án:

+ Đối với chiếc xe mô tô Yamaha, loại Nouvo LX BKS: 37N7-6029 Nguyễn Nam T đã mượn của Trần Như T. Qua điều tra xác minh chiếc xe đứng tên Nguyễn Xuân H, trú tại Xóm 15, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, qua điều tra xác minh không có người tên Nguyễn Xuân H tại địa chỉ trên. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành thông báo tìm chủ sở hữu, nhưng chưa có kết quả, nên đã tách chiếc xe này ra để xử lý riêng, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau là phù hợp, nên không đề cập xử lý.

+ Đối với 01 chiếc hộp điện thoại nhãn hiệu Vivo, model Y51, màu đen (bên trong không có điện thoai) chị H nộp để xác định nguồn gốc chiếc điện thoại bị chiếm

đoạt. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trao trả lại cho chị H là có căn cứ nên chấp nhận.

+ Đối với số tiền 700.000đ do bị cáo bán chiếc điện thoại đã chiếm đoạt mà có. Nay bị cáo đã tiêu xài hết. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, tuyên truy thu đối với bị cáo số tiền này để sung vào ngân sách nhà Nước là có căn cứ.

[7] Đối với anh Trần Như T là người sử dụng xe mô tô Yamaha, loại Nouvo LX BKS: 37N7-6029, ngày 20/11/2017 đã cho bị cáo mượn xe, nhưng không biết bị cáo đã sử dung đi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, không xử lý T với vai trò đồng phạm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với anh Trịnh Đình L là người đã mua điện thoại do T bán. Tuy nhiên, anh L không biết chiếc điện thoại này do Thư phạm tội mà có. Do đó không xử lý anh L về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Tại Cáo trạng truy tố bị cáo và tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội, đề nghị xét xử bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Song Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực), do đó căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017 của Quốc hội để xét xử bị cáo theo điều khoản của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[10] Xét về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên và quá trình truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện hợp pháp.

[11]Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nam T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ các Điều 33; 45; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm c khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam T 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2017.

- Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho công tác thi hành án hình sự.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, tuyên truy thu đối với bị cáo Nguyễn Nam T 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) để sung vào ngân sách nhà Nước.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+Buộc bị cáo Nguyễn Nam T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần bồi thường thiệt hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (05/4/2018). Đối với người có quyền kháng cáo vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thanh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh, STP
-VKSND huyện Đ;
-CA huyện Đ;
-Bị cáo,Bị hại
-NĐDS, Người có QL,NVLQ
-Lưu HS THA;
-CCTHADS
-Lưu HSVA